

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 801/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Mai Hữu H**, sinh năm 1975. Địa chỉ: **D B, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**, là người yêu cầu.

- Chị **Nguyễn Hoàng Thảo L**, sinh năm 1981. Địa chỉ: **D B, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**, là người yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Mai Hữu H** và chị **Nguyễn Hoàng Thảo L** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới tại gia đình và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (N là phường T), thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 28/4/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã không còn tôn trọng nhau. Nay anh **Mai Hữu H** và chị **Nguyễn Hoàng Thảo L** nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên cùng gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh, chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh **Mai Hữu H** và chị **Nguyễn Hoàng Thảo L** có 04 con chung, đăng ký khai sinh tên **Mai Nguyễn Thảo N**, sinh ngày 25/7/2003; **Mai Nguyễn Hoàng P**, sinh ngày 18/8/2007; **Mai Nguyễn Thảo N1**, sinh ngày 05/11/2010 và **Mai Nguyễn Hoàng Q**, sinh ngày 12/5/2013.

Cháu **Mai Nguyễn Thảo N** đã trưởng thành nên anh **H** và chị **L** không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề giao cho ai nuôi dưỡng.

Ba cháu Mai Nguyễn Hoàng P, M Nguyễn Thảo N1 và M Nguyễn Hoàng Q anh H và chị L thỏa thuận giao cho chị Nguyễn Hoàng Thảo L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến lúc các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh H và chị L thỏa thuận anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi 03 con chung là Mai Nguyễn Hoàng P, M Nguyễn Thảo N1 và M Nguyễn Hoàng Q mỗi tháng 4.200.000 đồng (Mỗi cháu 1.400.000đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến lúc các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Anh Mai Hữu H và chị Nguyễn Hoàng Thảo L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh Mai Hữu H và chị Nguyễn Hoàng Thảo L xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Hữu H và chị Nguyễn Hoàng Thảo L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Mai Hữu H và chị Nguyễn Hoàng Thảo L có 04 con chung, đăng ký khai sinh tên Mai Nguyễn Thảo N, sinh ngày 25/7/2003; Mai Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 18/8/2007; Mai Nguyễn Thảo N1, sinh ngày 05/11/2010 và Mai Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 12/5/2013.

Cháu Mai Nguyễn Thảo N đã trưởng thành nên anh H và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề giao cho ai nuôi dưỡng.

Ba cháu còn lại là Mai Nguyễn Hoàng P, M Nguyễn Thảo N1 và Mai Nguyễn Hoàng Q, anh H và chị L thỏa thuận giao cho chị Nguyễn Hoàng Thảo L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến lúc các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Mai Hữu H cấp dưỡng tiền nuôi 03 con chung là Mai Nguyễn Hoàng P, M Nguyễn Thảo N1 và M Nguyễn Hoàng Q mỗi tháng 4.200.000 đồng (Mỗi cháu 1.400.000đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến lúc các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Anh Mai Hữu H và chị Nguyễn Hoàng Thảo L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh **Mai Hữu H** và chị **Nguyễn Hoàng Thảo L** xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh **Mai Hữu H** và chị **Nguyễn Hoàng Thảo L**, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001020 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh **Mai Hữu H**, chị **Nguyễn Hoàng Thảo L** đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- CC THADS thành phố Huế;
- UBND phường T, TP Huế
(ĐKKH số 28, ngày 28/4/2003);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thị Phương Dung